



Cuò c Chiò n Viò t
Nam

KHI ĐÒ NG MINH THÁO CHÒ Y

Phò n II - Chòò ng 5

THÂN PHÒ N TIÒ U QUÒ C

Tò túc tò còò ng

Vào lúc tám giờ sáng ngày 28 tháng Giêng 1973, tò ng đò t rò i lò i tò ng đò t, tiò ng còi tàu Hò i Quân Viò t nam đò c cò ng Sài gòn rú lên, xé tan màn sòò ng buò i ban mai. Khi còi ngò ng, chuông nhà thờ lò i tiò p theo, ngân vang khò p đó đây, làm tăng thêm bò u không khí náo nhiò t cò a đô thành ngày hôm ò y.

Dù chò ng biò t thò c hò ra sao, ta cò ãn mò ng đi đã. Hiò p đò nh Paris ký rò i, chiò n tranh chò m đò t. Tò góc đòò ng Phan Đình Phùng khu Đa Kao, đài phát thanh phóng ra bài ca oai hùng "Viò t nam, Viò t nam nghe tò vào đò i". Nhiò u nhà mò loa cho lò n, đòò ng nhò muò n át đi tiò ng ca ai oán vò ng lên tò radiò nhà bên cò nh: "Anh trò vò trên đò i nò ng gò ... anh trò vò dang đò đò i em..." Hy vò ng rò ng tò nay, nhò ng chiò c bắ ng ca không còn phò i chò vò trên trò c thẳng sò n mò u tang trò ng.

Dân chúng đô thành tò m gác mò i nò i lo âu sang mò t bên. Không khí ò nhò ng quán cà phê trò nên nhò n nhò p. Lò nh giờ i nghiêm nò a đêm chò đòò c thi hành mò t cách lò ng lò o và phòng trà đã bò t đò u mò cò a lò i. Nha Du Lò ch sò a chò a khách sò n Majestic, làm thêm mò t quán ngoài vò a hè quay ra bò sông, hò t sò c thò mò ng. Chiò u chiò u, giờ i phong lò u cũng nhò ái nò cò a các nhân viên ngoò i giao và du khách ngò mình trên nhò ng ghò vống mây mò i mò c, uò ng chanh soda và nòò c đò a còn tòò i, trông nhò mò t cò nh ò Hawaii. Bên kia đòò ng, sông Sài gòn lò ng lò trời. Tiò ng đò i bác không còn vò ng lò i nò a, và hoò châu cũng thôi loé sáng trong đêm tò i. Nhà hàng nò i Mò Cò nh sò m uò t, tiò ng nói ò n ào cò a thò c khách xen lò n vò i nhò ng tiò ng còò i ròn rã, tiò ng chuông rung tò nhò ng chiò c xe bán đò rong trên bò n; mùi khô mò c nòò ng và mùi nòò c mía vò a mò i cò quyò n lò n vào nhau, làm cho không khí thêm mò i mò c, hò p đò n.

Lò i mò t lò n nò a viò n ò nh hoà bình ló rò ng. Và cò thò , Hiò p đò nh Paris đòò c các cò quan truyò n

thông của Chính phủ mô tả những mặt tích cực cho Việt Nam cộng hòa. Khác với Hiệp định Genève Pháp ký năm 1954 sau thất bại ở Điện Biên Phủ; đằng này Việt Nam cộng hòa đâu có thất bại? Ban Tâm Lý Chiến trên đài đồng ca: "Cờ bay cờ bay trên thành phố thân yêu". Tờ M, các báo chí đăng hàng tit lên "Hoà bình với danh dự" Đài VOA cũng vậy mà phát sóng. Bị t đâu, bị t đâu đồng ý mặt trang số mới đã được mở ra rồi.

Thế là đã tới thời hũu chí?

Bây giờ nhiệm vụ chính yếu là công cộng xã hội và tái thiết kinh tế. Về xã hội, việc bắt đầu là hũu năng của nhân hành chính. Để hỗ trợ công tác này chương trình "Cờ tay hành chánh" được đưa ra. Ông Quách Huân Hà, người được giao trách nhiệm, đã cùng với sự tham gia tích cực của Hội Việt Nam Quốc Gia Hành Chánh đồng đội với các cơ quan. Công chức mới của ngành thay nhau đi tham dự các lớp học tập để nâng cao trình độ chuyên môn trung tâm huấn luyện Vũng Tàu. Trung tâm này có nhiều bài học Long Hồ và Thủ Đức. Các viên chức được đưa ra thực địa: trên quy hoạch và địa phương, phát triển nông thôn, tay súng tay cày, bài học tham những. Toàn là những công việc thực tế, hết sức hấp dẫn.

Khi Kinh tế - Tài chính được thúc đẩy đồng bộ kinh tế đi tới từng bước công. Càng sớm càng tốt. Lúc này công nhân nhìn thẳng vào thực trạng, xem mặt trời, mặt trăng, tranh thủ thời gian để uốn nắn lại những bất quân bình của kinh tế vĩ mô. Muốn vậy, công nhân phải xét toàn bộ quá trình nền kinh tế để chỉ ra cho đúng những nhu cầu và ưu tiên. Nhìn lại con đường mà nền kinh tế Việt Nam đã trải qua trong hai thập niên, tuy nó trải trải, thăng trầm, nhưng cũng đã có những điểm khá sáng sủa. Và bên cạnh những tàn phá lại có những xây dựng, phát triển đáng kể, công việc thực tế trên con đường mới. Mục tiêu nền tảng, công việc, chương trình là vào năm 1980 đã không phải là một viễn tưởng.

Thăng trầm của nền kinh tế thời chiến

Thập niên 1960: từ xuất sang nhập.

Thập niên này được Liên Hiệp Quốc tuyên bố là "Thập Niên Của Phát Triển." Nổi lên ở các hải đảo, các nước Á châu như Nam Hàn, Đài Loan, Thái Lan, Nam Dương, Mã Lai, Singapore và kể cả Nhật Bản, đã nảy nở một loạt các đài trên đường mang kinh tế, xã hội. Họ đã vươn dậy như những cây non, lấy được công làm đường lối thúc đẩy mang kinh tế, thu hút đầu tư và kể thu nhập tiên tiến để cải thiện công nghiệp. Việt Nam đã mất cơ hội quý báu đó. Tuy nhiên trong những năm đầu thập niên, tình hình kinh tế còn khá triển vọng. Miền Nam vẫn còn xuất khẩu được gạo. Với tổng xuất là 340.000 tấn, năm 1960 đánh dấu mức cao nhất trong lịch sử kinh tế Việt Nam cộng hòa. Tờ năm đó, nông thôn bắt đầu thiêu an ninh, xuất khẩu gạo xuống dần, và tới năm 1962, còn 85 ngàn tấn. Sau đó, không đáng kể, nhưng vẫn còn là xuất. Tờ 1965 trở đi thì xuất đã biến sang nhập, có năm lên tới 760 ngàn tấn. Mặt trời mặt trăng so với thời tiền chiến. Năm cao điểm là 1939: xuất khẩu gạo của riêng Nam Bộ lên tới gần hai triệu tấn. Tờ năm 1954 cũng vẫn còn 520.000 tấn (1).

1969-1971: ba năm vàng son.

Khoảng thời gian 1969-1971, tình hình an ninh miền đồng bằng Cửu Long từng bước đi tới, cho phép những người nghệ sĩ trí tuệ và kinh tế lâu dài. Đây là khoảng thời gian cao điểm của nền đồng minh cộng hòa: chương trình "Ngành Cà Có Ruộng" ra mắt ngày 26 tháng Ba, 1970 đã thành công với dự đoán: gần một triệu người ruộng được phân chia cho nông dân (2). Đúng là cho vì nông dân đâu có trở tiền.

Chính phủ bán công khai phiêu lưu thị trường mua lại ruộng đất của địa chủ rồi chia cho nông dân. Địa chủ nào có quá 15 mẫu phải bán đất còn lại. Bộ không khí nông thôn náo nhiệt. Mục đích chủ trương vẫn còn, nhưng quy định sự hũu ruộng đất có tác động hết sức mạnh mẽ. Đang tá tá đi, bắt đầu triển vọng nông dân trở thành gia chủ. Nhưng làm tá đi là ăn chức, còn địa chủ lại phải

lo. Vì c s h u nó có hai m t: đ c h ng tr n v n k t qu mình làm ra. nh ng ng c i, cũng ph i gánh vác r i ro c a mùa màng, th i t t. Ng i "tân đ n ch " v t v , lam lũ:

Ng i ta đi c y l y công,
Tôi nay đi c y còn trông nhi u b .

Trông tr i, trông đ t, trông mây,
Trông m a, trông gió, trông ngày, trông đêm...

Ng i nông dân chăm ch làm ăn nh v y nên k t qu trông th y. Khi ch ng trình Ng i cày có ru ng k t thúc vào tháng Ba, 1973, b m t nông thôn đã tr nên sinh đ ng.

Có ông giáo s M nói v i chúng tôi: "Ng i nông dân Vi t nam toàn là con cháu Adam Smith". Nhà kinh t ng i Anh n i ti ng Adam Smith (th k 18), đ c coi nh cha đ c a kinh t th tr ng. Ông đ t đ ng l c c nh tranh c a n n m u d ch t do d a trên quy n t h u, là y u t c n b n nh t c a phát tri n kinh t (3).

Thêm vào đó tà li n b k thu t: lo i lúa gi ng IR-3 phát xu t P h i l i p i n e đ c đ em vào đ ng b ng C u Long. m t s n c h u ti n khác mà chúng tôi có đ p quan sát t i ch khi còn làm vi c cho Qu ti n T Qu c t , th t là r t khó nh c cho nông dân ch p nh n nh ng k thu t m i. H không mu n thay đ i cung cách làm vi c, bám ch t l y nh ng ph ng pháp s n xu t mà h quen thu c. Đ ng này, dù đã tr ng lúa c truy n c vài ba ngàn năm, đ n lúc th y có gi ng m i, nhân dân mi n Nam v i vàng h ng ng. Và h ng ng r t nhi t li t, đ t ngay tên lúa là "th n công". C cho đ phân bón, l ng n c cho đ ng m c là nó lên đ y đ ng. Cây lúa không cao nh lúa c truy n, nh ng b b m, d o dai. Khi có bão t nó n m r p xu ng, ch khi bão qua, l i đ ng th ng lên. T i mùa g t mà ng i ta v C n Th , An Giang xem thì th t là s ng m t: "Cánh đ ng mênh mông, cánh đ ng bát ngát, ôi cánh đ ng dào d t lúa th m n ng".

Đ n năm 1971 thì lúa th n nông đã ph đ c trên 2,6 tri u m u ru ng, b ng 42% di n tích canh tác r i. Hai đ ng l c này đ y m nh s n xu t thóc lên trên b y tri u t n, cao h n năm 1966 là 63%. Nh p c ng g o l p l c xu ng ch còn 160.000 t n. V i đ a này thì ch ng m y lúc n a là đã đ g o ăn và có khi còn đ đ xu t c ng (4).

Nhi u quan sát viên qu c t đã cho ch ng trình "Ng i cày Có ru ng" là m t trong nh ng ch ng trình c i cách đ i n đ a thành công nh t c các n c h u ti n (5). Nó là đ i m vàng son c a n n Đ nh C ng hoà. Bao nhiêu hy v ng! B i t đ u ch ng m y lúc n a, ánh bình minh l i ch ng chi u r i kh p thôn quê? Cu i năm đó, m t ch ng trình phát tri n kinh t h u chi n do nhóm nghiên c u Lilienthal - Vũ Qu c Thúc đ c c quan vi n tr Hoa k USAID tài tr đã ra m t. Ng i ta b t đ u nghĩ t i phát tri n lâu dài.

Mùa hè đ l a 1972

Dân chúng Vi t nam ăn cái t t năm Nhâm Tý khá vui v . Pháo n r n rã. Bánh ch ng, th t m , đ a hành câu đ i đ , không có gì là thi u. Tháng Giêng là tháng ăn ch i, m i t i tháng hai m i đi tr ng đ u, tr ng khoai, tr ng cà. Đ u ph ng m c nhanh nên tháng ba là đ u đã già và "ta đi ta hái v nhà ph i khô".

Nh ng r i nào có đi hái đ u. Tháng ba năm đó đ i bác l i n r n tr i trên vùng vĩ tuy n. Chi n tranh b ng leo thang, b t đ u t cu c "T n công mùa Xuân" c a quân đ i B c Vi t t i Qu ng Tr . Lúc này, thay vì th công, Vi t nam c ng hoà l i chuy n sang th th . Đ a ti n tri n kinh t b ng kh ng l i gi a "mùa hè đ l a". Trên 200 c u b h h i, bao nhiêu cây s đ ng xá b phá hu , 40% s n xu t cao su b m t vì r ng cao su đã tr nên bãi chi n tr ng. Thêm m y trăm ngàn ng i n a t mi n vĩ tuy n ch y vào phía nam, làm cho s ng i di c tăng v t lên 1,2 tri u. Áp l c nhu c u ti p t càng thêm n ng n : l ng th c, n c u ng, thu c men, v sinh, l u tr i.

Năm y l i là năm m t mùa vì h n hán! Nh p c ng g o nh y lên 284.000 t n (6).

Tuy nhiên, vào những tháng cuối năm 1972, tình hình nội chiến nên tất cả phải hoãn, và nền kinh tế bắt đầu có nhu cầu duy trì sự ổn định. Thời kỳ cần đạt những linh thiêng, sự cần thiết của nhân dân đòi hỏi. Các mặt nội ngoại cần tìm cách hội sinh. sự cần thiết của chúng, ý chí kiên trì để các quốc gia thân thiện.

Nền kinh tế giao thời: 1973

Nói chung, nhìn vào kinh tế miền Nam lúc giao thời thì chiến tranh sang "hậu chiến", thì có Mặt trận không có Mặt, ta thấy có sáu đặc tính rõ ràng(7):

Thứ nhất là các chủ yếu chính: nghiêng hẳn về cung cấp dịch vụ, tăng trưởng tăng trưởng 55% tăng trưởng sản lượng quốc gia (GDP). Đặc biệt là dịch vụ quốc phòng, hành chính, quân đội Đàng Minh. Sản xuất hàng hoá, và tăng trưởng chúng có là bao;

Thứ hai là mức thu nhập vào nhập khẩu: ngoài gạo còn xăng dầu, phân bón, xi măng, hàng tiêu thụ, và tất cả sản xuất. Tất cả tăng trưởng và hiện nay mà tăng trưởng cung hàng hoá. Trung bình là phần nhập 750 triệu đô la mỗi năm, khoảng 40 đô la đầu đầu trên đầu người (nên như đây là đầu đầu đô la và mãi mãi là thời kỳ). Đàng khi đó xuất khẩu (cao su, trà, hàng sản, lông vịt) chủ yếu vào khoảng 4%-5% nhập khẩu;

Thứ ba là mức tiết kiệm sản xuất sản phẩm: trung bình tăng trưởng -5% tăng trưởng sản lượng quốc gia GDP. Lúc còn hoà bình, nó là sự đầu tư. Có năm đã lên tới +6% GDP (1960). Khi không còn tiết kiệm mà đầu tư thì đầu tư cho phát triển phần đầu tư thu nhập vào tiền bạc thì bên ngoài;

Thứ tư là gánh nặng kinh tế của nhân dân chi phí của: đoàn người di tản thì những vùng thiêu an ninh, đặc biệt là miền Trung, đã lên tới vài triệu. Một sự đông di tản và thành thị, làm sản lượng tăng lên tới 40% tăng trưởng dân số (năm 1960 chỉ có 22%). Kết quả là thất nghiệp cao thành thị (14%) cùng với những đoàn xã hội đi kèm. Đàng khi đó nông thôn thì thiêu người canh tác;

Thứ năm là gánh nặng quốc phòng: tình trạng an ninh "hậu chiến" còn đòi hỏi một nhu cầu quốc phòng quá lớn, cần chi tiêu tới 50% ngân sách (242 tỷ đồng).

Tài trợ cho phát triển chỉ còn 9% (66 tỷ đồng). Riêng vấn đề nhân lực: 1,2 triệu thanh niên còn phải vac súng, chưa kể 310.000 công nhân. Ngoài ra còn sản lượng di tản kể trên, tất cả cũng vượt 30% nhân lực lao động.

Thêm vào năm điếm này phải kể tới một điếm quan trọng khác:

Thứ sáu, tâm lý dựa vào viện trợ: nhìn lại giai đoạn 1960, ta thấy cái tâm lý này nó đã mau bén rễ. Nền kinh tế Việt nam bé nhỏ, hậu thiên, sản xuất căn bản là nông nghiệp. Khi quân đội Mặt trận kéo sang, nhu cầu quốc phòng, tiêu dùng, xây dựng hàng ngày cần thiết và vật. Mà sản xuất nội địa còn yếu kém, căn bản chủ yếu là gạo thóc. Để tránh tình trạng khan hiếm, làm phát phi mã thì chỉ còn cách nhập hàng hoá từ ngoài vào. Những ngày nhập quá nhiều và quá nhanh. Tài trợ nhập hàng hoá gồm bốn nguồn: viện trợ nhập khẩu (CIP)(Capital Improvement Projects có nghĩa là những dự án chính) + viện trợ thực phẩm phần sản phẩm hoà bình + viện trợ dự án + số đô la phía Mặt mua tiền Việt nam. Tổng số này đang tới 162 triệu năm 1964 tăng lên tới 830 triệu năm 1966, cao hơn năm trước. Tiền bạc đi ào, cần thì mà xài. Chi tiêu công cũng như có bất kỳ.

Cố Sài Gòn chúng thấy thiêu thiếu gì: radio, TV, tủ lạnh, máy điếu hoà không khí. Báo chí ngoài quốc gia Sài Gòn là Hondaville. Ngoài nhập khẩu, nội còn một nguồn khác: thu nhập lá, rượu miền, đồ gia dụng từ hàng thị trường PX lấy ra thì trống. Các tăng trưởng các cần cần Long Bình mà xem thì rõ.

Chính sách kinh tế thì tăng hay giảm tính toán dựa theo dự phóng xem số tiền đô la sẽ bơm vào nền kinh tế là bao nhiêu.

Sự kiện này làm tăng lên các tăng trưởng của tâm lý thu nhập kinh tế VN tại hậu hậu, nó nội mang tới nhu cầu hội tham những cho nhu cầu người, mà nội tăng trưởng, trở thành ung nhọt xã hội.

Tri n v ng tái thi t

Th nh ng, đ ng sau nh ng v n đ khó khăn, nh ng y u kém, i có nh ng y u t thu n i cho công cu c phát tri n.

V i m t dân s 20 tri u, th tr ng mi n Nam i n h n các n c Afghanistan, Australia, H ng Kông, Mã Lai, Nepal, New Zealand, Singapore, Sri Lanka, và Đài Loan. L i t c đ đ ng cho m t ng i c a mi n Nam (t ng đ ng kho ng 150 đô la m t năm) còn cao h n c các n c Bangladesh, n Đ , Pakistan và Thái Lan h i đó (8).

Nông nghi p

V nông nghi p, c i ti n k thu t và lúa th n nông đã nâng s n xu t lên t i b y tri u t n thóc vào năm 1973, t ng đ ng b ng 4,6 tri u t n g o, g n t i m c đ ăn. Đ phóng là ch t i 1976 đã có th xu t c ng. Tri n v ng này là ni m hy v ng không nh trong lúc khó khăn.

Ch ng trình đa đ ng hoá nông nghi p cũng b t đ u có k t qu . Các lo i cây ăn trái, b p, đ u ph ng, đ u nành, khoai tây, rau c phát tri n h t s c nhanh.

Cây công nghi p đ c đ y m nh đ thay th nh p c ng: s n xu t thu c lá đã t i trên 18.000 t n so v i 9.000 t n năm 1971 ; mía đ ng lên trên 900.000 t n, g n g p ba m c 1970. Đ phóng cho 1975 là s tăng g p đôi, t c 1,8 tri u t n. Ngô b p thì t 31.000 t n (1970), tăng lên trên 50.000 t n (1974).

L i có kh năng ph c h i s n xu t 70.000 t n cao xu m c ti n chi n(9). Ngành ng nghi p đ c canh tân, ng thuy n v i máy đuôi tôm i n đ i n i kh p sông r ch. Xu t c ng tôm và h i s n t v n v n 500.000 lên g n 11 tri u đô la. Đ phóng cho 1975 là 30 tri u. T ng s xu t c ng năm 1973 lên t i 53 tri u, tuy khiêm nh ng nh ng cũng là tăng g p ba i n năm 1972.

Phát tri n con ng i

Xét đ n cùng, con ng i v n là y u t quan tr ng nh t trong vi c phát tri n kinh t lâu dài. T nh n c Nh t, tài nguyên r t ít, không có m t gi t đ u, th mà thành qu c gia ti n ti n vào h ng nh t. Còn nh nh ng n c đ u i a Kuwait, Saudi, ti n b c nhi u bi t m y mà đâu có m c phát tri n kinh t , xã h i cao.

V i 80% dân s là ng i Kinh, đa s theo Ph t Giáo, mi n Nam không có v n đ thù ngh ch s c t c hay tôn giáo quá đáng nh mi n Trung Đông ch ng h n. Ngôn ng i đ ng nh t, khác nhau ch là v cách phát âm. Vi t nam là n c duy nh t Á châu dùng m u t La mã a, b, c, r t ti n cho vi c ti p thu k thu t, văn hoá ng i qu c.

G n 20 năm ho t đ ng, c quan Vi n Tr Hoa k USAID đã giúp Chính ph Vi t nam ph ng ti n và k thu t đ phát tri n giáo d c và đào t o. Năm 1973, t i bi t đ c, bi t vi t là 70% r t cao so v i các n c Á châu láng gi ng h i đó.

Tr c năm 1954, mi n Nam không có đ i h c. M n h c c nh n ph i ra Hà n i. T i 1973, Đ i h c Sài gòn đã đ ng vào hàng qu c t . Vài thí đ : bác sĩ xu t thân t Đ i h c Y khoa đ s c ph c v cho đoàn quân 1,2 tri u mà không c n đ n bác sĩ n c ngoài. Sau này h di t n sang M , ch c n m t hai năm đào t o i và h c thêm ti ng Anh là hành ngh đ c ngay. Lu t gia t t nghi p t khuôn viên "cây dài bóng mát, con đ ng Duy Tân", đã làm vi c cho các h ng M ngay i Sài gòn, và đ c th n ph c. Khi h đi du h c thì th y lu t pháp M quá rõ ràng, h c i còn đ n a.

Ngoài đ i h c Sài gòn còn sáu đ i h c khác: Đà L t, V n H nh, Minh Đ c, Hoà H o, Cao Đài, C n Th . Năm 1973, t ng s sinh viên đ i h c lên t i 98.832 so v i ch v n v n có 2.900 vào năm 1955. S h c sinh trung h c trong cùng năm y là trên m t tri u so v i 43.000; và h c sinh ti u h c, trên ba tri u so v i 401.000. Ngoài ra còn các tr ng c ng đ ng, tr ng hu n nghi p, các ch ng trình công ngh m c lên nh n m.

Chi n tranh i cũng đào t o đ c bao tay ngh đang ch mong đ c đóng góp vào s n xu t

cho nền kinh tế thị bình. Việc chuyển nhượng kỹ thuật trong thị trường đã thể hiện rõ ràng ở Nhật. Quân đội Mỹ đóng ở Nhật sau chiến tranh và chiến tranh Bắc Hàn đã giúp cho nhân công Nhật Bản tiếp thu được kỹ thuật lắp ráp xe tải, xe tăng. Đội ngũ này sau chuyển sang làm xe hơi, xây dựng công trình tranh với xe Mỹ, Đức. Ở Miền Nam, nhiều năm chiến tranh đã giúp có biết bao nhiêu tay nghề: xây dựng, máy móc, lắp ráp, sửa chữa, truyền tin, kỹ thuật. Đội ngũ thợ xây dựng Đà Nẵng được các nhà thầu ngoại quốc khen ngợi. Khi Công Binh tiếp nhận được ngành nghề cao và xây dựng được xá, cầu cống, nhà cửa. Rồi đoàn phi công bay trực thăng, máy bay với tải, khu vực, phần lớn F5, ra chiến trường thì can đảm, đến khi lái máy bay dân sự có chiêu đãi viên lo cà phê, cơm nước thì lại càng vì vút hơn.

Hệ thống cơ sở

Một kết quả tốt của chiến tranh là mang lại cho Miền Nam một hệ thống cơ sở khá tốt, giúp phát triển kinh tế lâu dài. Xây dựng hệ thống là rất tốn phí và mất thời gian. Toàn bộ quá trình xây dựng cái cầu: từ lúc làm dự án tiến hành thi, từ lúc đánh giá, rồi làm dự án thi, tìm nguồn tài trợ, thẩm định thuyết, đi vay, thi xây dựng, lúc xong trung bình cũng phải mất năm năm. Đó là một lý do tại sao lại hay có "kỳ hoạch ngũ niên".

Như cầu quân sự trong chiến tranh đòi hỏi xây dựng nhiều phi trường. Ngoài những phi trường lớn như Tân Sơn Nhất, Cam Ranh, Đà Nẵng, Cần Thơ có thể tiếp nhận phần lớn để lo còn có những phi trường nhỏ ở Đà Lạt, Huế, Kontum, Phú Quốc. Pleiku, Rừng Giá, và Qui Nhơn. Cầu thêm vào là kho tàng 100 sân bay tỷ hơn, rồi rác khắp nơi, rất tốn cho việc liên lạc giữa các địa phương (10).

Với việc chuyển nhượng kỹ thuật thì miền Nam có tới 4.780 cây sồi sừng, rừng (3.000 dặm Anh). Kho tàng một nửa là sông ngòi, nửa kia là kinh, rừng. Đó là hệ thống tiếp giao thông rất tốt như đất và thu nhập cho nông, ngư dân. Hệ thống lớn gồm Sài Gòn, Cam Ranh, Đà Nẵng, Nha Trang, Rừng Giá. Những địa điểm rất tốn cho tàu bè công bố, tiếp vận cho miền đông theo gôn 1.000 cây sồi biển và duyên hải. Nguồn lực trong thực tế là những công nhân này lại có thể đáp ứng hết nhu cầu hàng hải của Lào, bán khoán chốt trong đất liền, miền Đông Kampuchia, và có thể cả miền đông bán Thái Lan.

Còn được xá, các nước có hộ tiếp trong thực tế được xá miền Nam mà thềm. Tất cả có tới 21.000 cây sồi rừng (kho tàng 13.000 dặm), trong đó gồm 9.500 cây sồi rừng như a, đi được quanh năm. Cầu các loại to, nhỏ bắc qua sông tới gồm 4.000 cây rất nhiều cầu đã bắc hồ hàng, những sửa chữa lại thì cũng nhanh. Tính ra cũng có tới gồm 170.000 xe tải và trên 51.000 xe hành khách lưu thông trên hệ thống đó.

Việc thông qua một nền kinh tế phần lớn

Vì tài nguyên và con người như vậy, nên Miền Nam thực sự đã có triển vọng phát triển một nền kinh tế phần lớn, hết bản địa thu.

Với hệ thống cơ sở, không phải là ông Trời không có đất. Có đất là tiềm năng nằm đó mà chờ khai thác ra được. Trên con đường tiếp thị tức là công, có hai cửa quý Trời phú: túi đồ nằm ở thềm lục địa và Vịnh Cam Ranh.

Kho tàng đồ vật: tài nguyên Trời cho

Cho dù không bán túi đồ của Indonesia, một nước trong khối OPEC, tiềm năng đồ vật, đồ vật khí trong một vùng rừng 500.000 cây sồi vuông của thềm lục địa Miền Nam không phải như.

Năm 1973, vựa hồ lên đã có bao nhiêu hãng đồ vật quốc tế nhẩy vào, bắt chấp là tình hình an ninh chưa ổn định. Hai vòng đồ vật năm đó cũng đã mang lại được 17 triệu đô la. Vào lúc liên đang công, giá trị tâm lý của sự tiến này còn lớn hơn nhiều hơn. Đến tháng năm 1974, sự tiến lên tới 30 triệu.

Chính phủ chấp giục phép cho sáu tập hợp công ty đồ vật địa được khai thác 13 địa điểm trong một

khu vực 82.000 cây sồi vuông.

Đây mới chỉ là 16% của thềm lục địa.

Đến cuối 1974, tất cả các công ty đều hoàn thành nghiên cứu chi tiết về địa chất. Theo hợp đồng, các công ty khoan thử nghiệm bắt đầu khoan thử nghiệm trong vòng 24 tháng kể từ lúc hợp đồng có hiệu lực. Thế mà hai công ty trúng thầu đầu tiên đã bắt đầu khoan mới năm trước khi nhận chốt: Pecten vào tháng Tám, và Mobil, tháng 10.

Chỉ hai tuần, vào ngày 17 tháng Tám 1974, Pecten đào trúng ngay dầu ở lô 08-TLD, đặt tên là HÔNG-X. Kể từ khi có dầu dưới độ sâu 1.374 mét. Rồi giếng thứ hai, D-1-X, trong cùng một diện tích lại tìm được khả năng dầu thô và dầu khí cao hơn. Thế nghiệm cho thấy tất cả có hai nguồn: một nguồn có thể khai thác ngay 1.514 thùng dầu thô mỗi ngày và 5,8 triệu thùng khí Anh (cubic feet) dầu khí mỗi ngày. Sau đó, lô D-1-x được chính thức tuyên bố chính xác là "màu dầu". Hãng Pecten rất vui mừng, nên tiến hành khai thác ngay lô 06-LTD, và đã tìm thấy có dầu hiệu còn quan trọng.

Tháng 10, 1974 hãng Mobil khoan giàn B-CH H-1, tại lô 04-TLD, tìm được "lượng dầu quan trọng" dưới độ sâu trên 2,7 cây sồi (9.000 feet). Tin mừng của thềm liên tục. Hãng Marathon và Union Texas quyết định khoan giếng đầu vào cuối 1974. Hai hãng Esso và Sunningdale có kế hoạch khoan dầu vào tháng 4-1975! Các tính là vào cuối 1975, sẽ có ít nhất 20 dàn khoan. Sản xuất mới của ngành dầu khí quan trọng được bắt đầu muộn hơn là vào cuối năm 1977.

Có lần chúng tôi được một hãng khoan dầu mời ra xem dàn khoan ngoài khơi. Trên chuyến trở về, tôi hỏi anh phi công Pháp: "Anh nghĩ Việt nam có dầu không?" Anh vui vẻ trả lời tôi không biết rõ, nhưng theo kinh nghiệm làm việc cho các hãng dầu lớn của anh, tôi thấy nơi nào có dầu thì là có dầu lớn". Nghe thất vọng. Anh ta còn thêm: "Tôi nghĩ rằng quý ông có cần dầu lớn không? Đàng Bàng Càng Long nữa". Thế họ không biết, nhưng đầu năm 1975, có người đi giếng thí nghiệm công ty ngoại quốc (mà hiện tôi không nhớ là hãng nào) tại văn phòng để bàn về chuyến này. Họ nói "chúng tôi nghiên cứu sơ khởi và tin rằng có dầu lớn, dầu khí ở vùng Càng Long".

"Đâu?" tôi vui vẻ hỏi. "Chúng tôi không thể trả lời ông được, vì phải chi phí tiền kém mới có những thông tin này". Họ đồng ý Chính phủ hai điểm: thứ nhất, cho công ty đào ngay mà không phải qua thủ tục dầu thô, hành chính rườm rà; thứ hai, khi khai thác được dầu sẽ chia đôi, một nửa cho công ty, một nửa cho Chính phủ. Tôi nói ngay với Tổng thống Thiệu về việc này. Ông tỏ vẻ vui mừng nói "trong lúc này, ai làm được gì giúp ích là phải cho ngay."

Tin tức về dầu lớn luôn được báo chí đăng lên trang đầu. Truy cập hình chiếu những cơn bão dầu khoan bên ngoài khơi, những ngọn đuốc đốt bùng dầu khí chiếu sáng vòm trời vào đêm khuya. Trong khung cảnh tối tăm cuối năm 1974, những ngọn đuốc này cũng mang tới một tia sáng loé lên trong tâm trí người dân quân Miền Nam.

Vịnh Cam Ranh

Vịnh Cam Ranh được coi là vịnh có nước sâu, đẹp và tốt nhất ở Đông Nam Á. Ngay cả ta còn so sánh Cam Ranh với Vịnh San Francisco ở Mỹ. Thế là Pháp thu xếp, ngân sách các nước thu xếp địa eo hẹp, tuy biết triển vọng của vùng này, nhưng họ vẫn để nước ngoài đó, chỉ dùng một cảng nhỏ cho vài chiếc tàu hải quân Pháp. Cách Sài Gòn 400 cây sồi, Vịnh nằm vào vĩ tuyến 12, gần ngay trục giao thông hàng hải quốc tế Singapore, Hồng Kông, Thượng Hải, Yokohama. Cam Ranh cách xa trục này chỉ một giờ từ biển, trong khi Vũng Tàu cách ba giờ, Hải Phòng cách tám giờ. Vịnh có chiều sâu trung bình từ 18 tới 20 mét. Chỉ sâu nhất là 30 mét. Hải sản nơi đây phong phú, nổi tiếng là tôm hùm Bình Ba và sò Trà Long. Ngoài ra còn nguồn cát trắng và chì tốt lượng cao rất là phong phú. Dựa theo bề biển năm sáu cây sồi, mỏ cát Thuộc Triều nằm ở phía Bắc bán đảo Cam Ranh. Nơi đây có cát trắng và độ sạch tới 99%, là nguyên liệu dùng sản xuất

pha lê loại tinh khiết và thu tinh quang học. Ngoài ra còn có khoáng chất thạch anh (quartz) quý giá, dùng làm đồng hồ chính xác. Tôi còn nhớ mãi khi gặp ông Địch Sĩ Nhứt, thầy ông chày hay hỏi han về tiến trình phát triển "Vùng Vàng". Sau này tôi mới biết là vẫn có Hiệp đồng đình chiến là đã có một công ty Nhật vào làm nghiên cứu kỹ thuật cho một dự án hóa dầu (petrochemical).

Vịnh Cam Ranh là một bình phong chắn gió an toàn cho tàu bè trú ẩn khi bão táp. Cửa biển vào vịnh rộng ba cây số, sâu 20 mét, không có phù sa bồi. Vào thời "Nhật Nga Chiếm K", năm 1905 hạm đội Nga do Đô đốc Z.P. Rozhdestvensky chỉ huy trên đường đi đánh trận hải chiến Tsushima, đã vào Cam Ranh trú ẩn. Năm 1941 Nhật chiếm đóng Cam Ranh rồi rút năm 1945. Nga tiếp tục nhòm ngó. Mùa xuân 1975, vào lúc tình hình căng thẳng nhất, ngày 23 tháng Ba, giữa một buổi họp trong văn phòng Tổng thống Thiệu, Đô đốc Võ Văn Kiệt, Chánh Văn phòng gõ cửa vào đưa một báo cáo tóm tắt Trung cho ông Thiệu: hải quân ta vẫn phát hiện có máy bay trực thăng Nga bay thám thính trên không phận Vịnh Cam Ranh".

Ông Thiệu nói sùng, "Đó nó bay đi rồi còn báo cáo gì nữa!"

Bán đảo Cam Ranh

Hai mươi năm sau khi Nhật rút khỏi Cam Ranh, quân đội Mỹ vào xây dựng một công trình vĩ đại. Với diện tích 260 cây số vuông (100 square miles), bán đảo này giống như hình một cái chai, có chiều dài 12 cây số và chiều ngang bề rộng cây số ở đầu mũi nhọn. Một hệ thống tiếp liệu rút từ biển gồm các kho nhiên liệu, kho đạn, xưởng đóng tu xe tăng, nhà máy điện, khu nhà ở, giải trí được xây dựng. Thêm vào là phi trường quân sự thật lớn. Sân bay có hai đường băng 3.200 mét, phi trường nào đáp xuống cũng được. Hệ thống đường bộ chằng chịt, giao thông rất thuận tiện. Là một bán đảo, hai bên là biển mà lại có hệ thống an ninh nghiêm ngặt, với trục đường xuyên hàng trăm ngàn mét khơi. Đó là Hố Ao Hổ rộng 250 mét, dài 1,5 cây số. Vào cuối mùa khô tính ra cũng còn gần 300 triệu ga-lông nước. Nhờ một nước ngọt trong lòng đất nên cây cối xanh tươi. Ngoài hồ, còn một sông giống nước do quân đội Mỹ đào, trải dài thành 10 dặm cung cấp nước ngọt cho 15.000 lính.

Hệ thống Cam Ranh

Công này là một trong ba công thiên nhiên tuyệt vời nhất thế giới, đứng sau Sydney (Úc) và hẻm Rio de Janeiro (Brazil). Ngoài biển bên biển (trong chín biển lúc đầu) còn đất, còn có nhiều cửa biển có thể biến neo bến cảng hàng hoá, và 14 phao nổi được cột xuống chằng chịt.

Khi Mỹ trao lại cho Việt Nam công hoà vào tháng Sáu thì bán đảo Cam Ranh là một cửa quý. Đã có sẵn một hệ thống lớn, và a gôn biển, và cách biển, lại có một hệ thống cơ sở ngầm sát bên để phát triển kỹ nghệ, du lịch, thu hải sản, đóng tàu, sửa tàu, vận tải thông thuyền hàng hải. Cam Ranh còn có hệ thống radar tại tâm, hệ thống thông tin liên lạc qua Thái Lan. Philippines bằng giấy cấp phép xuyên biển, hết sức hợp tác với các nhà đầu tư quốc tế. Bất ngờ ngay lập tức hải, phía Việt Nam công hoà yêu cầu Cơ quan Việt Nam Trại Hoa Kỳ SAID tài trợ một nghiên cứu kỹ thuật, một dự án tiềm năng kỹ thuật, nhằm biến đổi một phần của bán đảo Cam Ranh, thành một khu công nghiệp.

Theo kết quả nghiên cứu thì Cam Ranh có thể phát triển theo nhiều giai đoạn.

Giai đoạn đầu là phát triển một khu công nghiệp kho bãi 2.000 mẫu tây gồm khu nhà máy, khu nhà ở, giải trí, khuôn viên bảo tồn thiên nhiên. Công thì đã có sẵn. Khu kỹ nghệ có thể cho thuê được ngay gồm 480 mẫu tây một bãi, công với 85.40 mét vuông nhà xưởng. Vì không phải một tỉn đất bù vi phạm di dân, cũng không phải xây dựng hệ thống cơ sở, nên dự án tiến triển nhanh và ít tốn kém. Chỉ trong hai năm là xong. Chi phí lợi nhuận: kho bãi 10 triệu đô la, trong đó số tiền thông đường bộ và triển là tiền Việt Nam đầu tư nhân công, chi phí nội địa. Chỉ cần ba triệu đô la trả tiền kỹ thuật và vận tải như phần công là đủ. Trong giai đoạn đầu có thể cho phát

tr n k ngh n ng. Đ c bi t là công nghi p hoá-d u, amonium, phân Urea, Natri cacbônát khan (soda ash), k ngh kính đ cho các công trình ki n trúc. T t c nh ng nhà máy này t n kho ng 155 tri u đô la đ xây đ ng và ch trong vòng năm năm là có th b t đ u ho t đ ng s n xu t.

Th c ra, không ph i đ i t i sau năm năm: đang phát tri n giai đ n đ u là đã có th làm nh ng b c cho giai đ n hai, nh m vào k ngh nh , ch bi n. Khách đ u t s đ xô vào "vùng V nh" Vi t nam. R i t i nh ng k ngh n ng h n n a nh s t, thép, k ngh l c đ u, k t h p v i các dàn khoan đ u ngoài kh i.

C ng Cam Ranh đ n đ n s đ c t n đ ng. T ng b c m t, công trình nghi n c u k t lu n: "Phát tri n cho đúng m c, ti m năng c a c ng Cam Ranh b ng Singapore, nó s là c ng H ng Kông th hai."

Tóm l i, n u t ng k t toàn b nh ng y u t tiêu c c, tích c c thì hình nh c a n n kinh t Mi n Nam th i "h u chi n" không ph i là đen t i. Trái l i có th nói là có nhi u tri n v ng, nhi u nhà kinh t đã đ ng ý r ng Mi n Nam h i đ đ i u ki n c n thi t đ ti n t i ch thoát kh i tình tr ng h u ti n, cũng gi ng nh Đài Loan, Nam Hàn. Và vi c phát tri n s m t ít th i gian h n là các qu c gia kia, m t ph n vì đã có s n nh ng xây c t h t ng t ng đ i đ y đ . L i còn thêm c a Tr i cho. Quan sát t i ch , Đ i s Martin đã phát bi u cho ký gi tu n báo U.S. News and World Report (11):

"Đôi khi ta th y trong cùng m t qu c gia có s ph i h p gi a tài nguyên phong phú, m t h th ng hành chính có quy t tâm v i nh ng chính sách kinh t h p lý m t dân t c thông minh, khéo léo, và h t s c đ o dai, v i m t kh năng c g ng b n v ng, m t quy t lâm mãnh li t và tha thi t b o t n t do c a mình.

"Khi có m t k t h p nh v y, nh hi n đang có Mi n Nam Vi t nam, thì ch c n m t ngu n tài chính t ngoài vào làm vai trò tác đ ng, đ n i k t t c nh ng y u t này l i v i nhau thì có th có nh ng k t qu th t là xu t s c"

Th c v y, vào th i đ i m đó, m c tiêu ti n t i đ c l p v kinh t sau m t k ho ch ngũ niên (1975-1980) là r t có th tin đ c B K ho ch c tính là ch c n có ngu n tài chính khi m nh ng kho ng 700 tri u đô la m t năm đ giúp tài tr cho k ho ch này là "bung ra" đ c r i (take-off). T 1980, mi n Nam s không còn ph i đ a vào Hoa k n a.

Nh v y, t ng s c a ngu n tài chính này tính ra là 3,5 t đô la (700 tri u cho năm năm), x p x b ng s ti n ng i Vi t t n c ngoài đang g i h ng năm v cho thân nhân i Vi t nam ngày nay.

Chú thích:

(1) V s n xu t g o c a hai mi n Nam, B c, xem Nguy n Ti n H ng, Economic Development of socialis Vietnam, 1975-1980, trang 3-16 và Haut Commissariat de France Pour L indochine, Annuaire Statistique de l Indochine, 1939-1940.

(2) Ngu n: USAID.

(3) Sách n i ti ng c a Dam Smith là The Wealth of nations (1776).

(4) Tài li u B k ho ch, VNCH, và USAID.

(5) Ngu n: USAID.

(6) Ngu n: USAID.

(7) Nghi n c u c a tác gi .

(8) Xem Business International Asia/pacific Ltd., Risks and Rewards in Vietnam s Market trang 13.

(9) Tài li u B k ho ch, VNCH, và USAID.

(10) Business International Asia/pacific Ltd., Risks and Rewards in Vietnam s Market, trang 74.

(11) J. U.S. News and World Report, 29 tháng 4, 1974.

hàng t: Phàng II - Chàng 5, xem hàng p: [Phàng II - Chàng 6](#)